

## FIELD-LAND SITUATION OF TONG CO DUNG, YEN DUNG DISTRICT, BAC GIANG PROVINCE IN THE FIRST HALF OF THE 19TH CENTURY THROUGH STUDYING CADASTRAL REGISTERS OF GIA LONG DYNASTY 4 (1805)

Dam Thi Uyen<sup>1</sup>, Phan Thi Hoan<sup>2\*</sup>

<sup>1</sup>Thai Nguyen University

<sup>2</sup>Thuan Thanh High School No. 2 - Thuan Thanh town - Bac Ninh

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	15/5/2023	Field-land ownership is one of the important contents in the process of studying Vietnamese history. It contains great and profound changes in the development of national territory and culture. This study aims to clarify the characteristics of field-land situation of Tong Co Dung, Yen Dung district, Bac Giang province in the first half of the 19th century through studying cadastral registers of Gia Long dynasty 4 (1805). The study conducted to collect the cadastral registers established in the Nguyen Dynasty at Gia Long 4 (1805) with a total of 8 cadastral registers units. With the use of historical and logical methods, the research results show that the characteristics of field-land in Tong Co Dung, Yen Dung district were very diverse, including private field-land, public field-land and some other types of field-land. In which, private field-land occupied a very large area (76.93%). Field-land directly or indirectly managed by the state were assigned to communes to cultivate and pay taxes according to regulations. The scale of field-land ownership was small. This study provided valuable evidence for reference in planning the current land management policy of Bac Giang province.
Revised:	15/6/2023	
Published:	15/6/2023	
<b>KEYWORDS</b>		
Field-land situation		
Tong Co Dung		
Studying cadastral registers		
The first half of the 19th century		
Gia Long dynasty 4 (1805)		

## TÌNH HÌNH RUỘNG ĐẤT TỔNG CỔ DŨNG, HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG NỬA ĐẦU THẾ KỶ XIX QUA TƯ LIỆU ĐỊA BẠ GIA LONG 4 (1805)

Đàm Thị Uyên<sup>1</sup>, Phan Thị Hoan<sup>2\*</sup>

<sup>1</sup>Đại học Thái Nguyên

<sup>2</sup>Trường THPT Thuận Thành số 2 - thị xã Thuận Thành - Bắc Ninh

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	15/5/2023	Sở hữu ruộng đất là một trong những nội dung quan trọng trong quá trình nghiên cứu lịch sử Việt Nam, nó chứa đựng những biến động to lớn và sâu sắc về sự phát triển lãnh thổ và văn hóa dân tộc. Nghiên cứu này nhằm làm rõ những đặc điểm về tình hình ruộng đất ở tổng Cổ Dũng, huyện Yên Dũng (tỉnh Bắc Giang) nửa đầu thế kỷ XIX qua tư liệu địa bạ Gia Long 4 (1805). Nghiên cứu tiến hành sưu tầm các địa bạ được lập vào năm Gia Long 4 (1805) với tổng số 8 đơn vị địa bạ. Bằng phương pháp lịch sử và phương pháp logic, kết quả nghiên cứu cho thấy, đặc điểm ruộng đất ở tổng Cổ Dũng, huyện Yên Dũng rất đa dạng, bao gồm cả ruộng đất tư, ruộng đất công và một số loại ruộng đất khác. Trong đó, ruộng đất tư chiếm đa số (76,93%). Ruộng đất do nhà nước trực tiếp hay gián tiếp quản lý đều được giao cho xã dân cày cấy và nộp thuế theo quy định. Quy mô sở hữu ruộng đất nhỏ lẻ. Nghiên cứu cung cấp luận chứng, có giá trị tham khảo trong việc hoạch định chính sách quản lý đất đai hiện nay của tỉnh Bắc Giang.
Ngày hoàn thiện:	15/6/2023	
Ngày đăng:	15/6/2023	
<b>TỪ KHÓA</b>		
Tình hình ruộng đất		
Tổng Cổ Dũng		
Tư liệu địa bạ		
Nửa đầu thế kỷ XIX		
Gia Long 4 (1805)		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.7938>

\* Corresponding author. Email: [phanthihoant3@gmail.com](mailto:phanthihoant3@gmail.com)

## 1. Đặt vấn đề

“Địa bạ là một văn bản chính thức về địa giới và diện tích các loại ruộng đất, các loại hình sở hữu về ruộng đất của làng xã, được thiết lập trên sự khám đặc và xác nhận của chính quyền, dùng làm cơ sở cho việc quản lý ruộng đất và thu tô thuế của nhà nước” [1, tr. 17]. Nhà Nguyễn sau khi bình định xong cả nước (1802) đã ý thức ngay được tầm quan trọng của việc lập địa bạ. Việc lập địa bạ các trấn thuộc Bắc Hà, tức vùng Đàng Ngoài thuộc vùng cai trị của chúa Trịnh trước đây về cơ bản được hoàn thành vào năm Gia Long 4 (1805). Đến năm Gia Long thứ 9 (1810) tiếp tục triển khai việc lập địa bạ ở các tỉnh từ Quảng Bình trở vào, và phải tới những năm cuối thời Minh Mệnh mới làm xong [2]. Qua đây có thể thấy được, địa bạ là một nguồn tư liệu vô cùng phong phú để nghiên cứu về nông thôn trên nhiều phương diện. Nghiên cứu về nguồn tư liệu địa bạ đã nhận được sự quan tâm của nhiều nhà khoa học trên cả nước [3]-[5].

Từ nhiều thế kỷ trước, nông nghiệp đóng vai trò chủ yếu trong kinh tế ở nông thôn Việt Nam. Nói tới sản xuất nông nghiệp là nói tới ruộng đất và chế độ sở hữu ruộng đất. Khi nghiên cứu về chế độ sở hữu ruộng đất ở Việt Nam, tác giả Trương Hữu Quỳnh đã nhận thấy một đặc điểm rất nổi bật của làng xã Việt Nam là ngay từ xa xưa, nó đã chứa đựng nhiều bộ phận ruộng đất khác nhau [6, tr. 65]. Hơn nữa, ngay trong từng bộ phận ruộng đất ấy, quyền sở hữu của mỗi thành viên cũng không phải cố định mà có sự thay đổi liên tục do việc mua bán, trao đổi, lấn chiếm, xâm canh giữa làng này với làng khác. Vì vậy, các loại ruộng đất thường không ổn định [7].

Bao trùm lên bức tranh ruộng đất của Việt Nam ở thế kỷ XIX là sở hữu tư nhân, sự phân hóa nhất định trong chế độ tư hữu là kết quả tất yếu của sự vận động lịch sử. Nghiên cứu của nhiều tác giả đã chỉ rõ điều này [8]-[12]. Sự phân hóa đó cũng diễn ra ở Bắc Giang, trong đó có huyện Yên Dũng.

Thế kỉ XIX, tổng Cổ Dũng là 1 bộ phận của huyện Yên Dũng ngày nay. “Trong huyện Yên Dũng có tổng Cổ Dũng gồm 8 xã, phường là: Cổ Dũng, Khê Cầu, Tiên La, Bằng Lương và Cổ Phao phường, Mại Xuyên, Ninh Xuyên, Mại Khê, phường Ngã Ba xã Ngự Uyên” [13, tr. 532]. Yên Dũng nằm ở tiếp điểm giữa đồng bằng châu thổ sông Hồng với khu vực trung du. Cổ Dũng là một vùng đất phù sa cổ, có nhiều cánh đồng rộng, bằng phẳng, có điều kiện để phát triển ngành nông nghiệp, đặc biệt là lúa nước. Trải qua quá trình phát triển, theo xu thế chung, đến nửa đầu thế kỷ XIX, chế độ tư hữu ruộng đất ngày càng phát triển, khiến cho diện tích ruộng đất công ngày càng bị thu hẹp. Chế độ ruộng đất ở tổng Cổ Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang là sự phản ánh chung về chế độ sở hữu ruộng đất ở Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX, đồng thời có những nét riêng biệt. Nghiên cứu này nhằm khôi phục bức tranh toàn cảnh về tình hình ruộng đất ở tổng Cổ Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang nửa đầu thế kỷ XIX qua tư liệu địa bạ Gia Long 4 (1805).

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Để tìm hiểu về tình hình ruộng đất của tổng Cổ Dũng, huyện Yên Dũng nửa đầu thế kỉ XIX, chúng tôi tiến hành sưu tầm các địa bạ được lập ở triều Nguyễn vào năm Gia Long 4 (1805) với tổng số 8 đơn vị địa bạ<sup>1</sup>. Các địa bạ này đều là bản chính viết bằng chữ Hán - Nôm hiện được lưu tại Trung tâm lưu trữ quốc gia I (Hà Nội).

Nghiên cứu sử dụng phương pháp lịch sử và phương pháp logic là chủ yếu. Với phương pháp lịch sử, nghiên cứu này xem xét và trình bày tình hình ruộng đất tổng Cổ Dũng theo một trình tự liên tục về thời gian, trong mối liên hệ với bối cảnh, các sự kiện ở địa phương và trong cả nước; làm rõ điều kiện phát triển và biểu hiện của vấn đề sở hữu ruộng đất theo các góc độ khác nhau. Với phương pháp logic, tình hình ruộng đất tổng Cổ Dũng được xem xét dưới dạng tổng quát, nhằm tìm ra bản chất, khuynh hướng, quy luật vận động của tình hình ruộng đất tổng Cổ Dũng trong các mối liên hệ.

<sup>1</sup> 08 đơn vị địa bạ của các xã, thôn thuộc tổng Cổ Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang năm Gia Long 4 1805 bao gồm: xã Bằng Lương kí hiệu: 2100; xã Cổ Dũng kí hiệu: 2122; xã Ninh Xuyên, kí hiệu: 2094; xã Ngự Uyên kí hiệu: 2128; xã Mại Khê kí hiệu: 2144; xã Mại Xuyên kí hiệu: 2104; xã Khê Cầu kí hiệu: 2098; xã Tiên La kí hiệu: 2082.

### 3. Kết quả nghiên cứu

#### 3.1. Tình hình sở hữu ruộng đất

##### 3.1.1. Về quy mô sở hữu ruộng đất của các xã, thôn

Theo thống kê 08 đơn vị địa bạ của 08 xã thuộc tổng Cổ Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang có niên đại Gia Long 4 năm 1805: Bằng Lương, Khê Cầu, Ninh Xuyên, Mạ Khê, Tiên La, Cổ Dũng, Ngự Uyên, Mạ Xuyên. Quy mô sở hữu ruộng đất của các xã thôn của tổng Cổ Dũng là tương đối lớn. Không có xã thôn nào dưới 200 mẫu và có 2 xã thôn (Bằng Lương, Mạ Xuyên) có quy mô sở hữu ruộng đất cao trên 1000 mẫu, chiếm 25% trong tổng 8 xã, thôn; có 3 xã thôn Khê Cầu, Ninh Xuyên, Mạ Khê có quy mô sở hữu ruộng đất ít nhất trong tổng từ 200 đến 400 mẫu chiếm 37,5%; có 1 xã thôn Tiên La có quy mô sở hữu ruộng đất xã thôn là 400 – 600 mẫu chiếm 12,5%, 2 xã thôn Cổ Dũng, Ngự Uyên có quy mô sở hữu ruộng đất cao từ 800 – 1000 mẫu chiếm 25%. Tám xã thôn của tổng Cổ Dũng sở hữu diện tích ruộng đất là 5263 mẫu 3 sào 14 thước 1 tấc 6 phân (5263.3.14.1.6), trong đó tư điền là 4049.5.2.6.6 được phân chia cho 460 chủ sở hữu, trung bình 1 chủ sở hữu 8 mẫu 8 sào 4 tấc 9 phân.

##### 3.1.2. Về phân bố các loại ruộng đất

Trong cơ cấu ruộng đất tổng Cổ Dũng đầu thế kỉ XIX có công điền, tư điền, ruộng đất thần từ phật tử, công thổ và thổ trạch viên tri. Trong đó, diện tích lớn nhất là tư điền 4049.5.2.6.6 chiếm 76,92% tổng diện tích ruộng đất, tiếp theo là ruộng đất công điền 717.0.5.2 chiếm 13,62%, đất thổ trạch viên tri 423.0.13.6 chiếm 8,03%, đất thần từ phật tử 73.5.7.1 chiếm 1,38%, loại ruộng đất có diện tích nhỏ nhất là công thổ 0.2.0.6 chiếm 0,04%. Sự phân chia ruộng đất kể trên có nhiều điểm tương đồng với tình hình ruộng đất khu vực đồng bằng bởi có sự xuất hiện của đất thần từ phật tử. Loại đất này không nhiều chỉ chiếm 1,38% và phân bố rải rác ở 7 xã thôn (trừ Ninh Xuyên) của tổng Cổ Dũng. Đất thần từ bao gồm (điền và thổ) phần nào phản ánh sự giao thoa văn hóa giữa đồng bằng và miền núi và là đặc trưng điển hình của khu vực trung du miền núi phía Bắc.

Tư điền có diện tích lớn nhất với 4049.5.2.6.6 chiếm 76,92% tổng diện tích ruộng đất. Sự phát triển của ruộng tư đã diễn ra mạnh mẽ, mặc dù Nhà nước có những quy định cấm mua bán ruộng đất công nhưng vẫn không hạn chế được. Đặc biệt, năm 1804, Gia Long đã ban hành chính sách quân điền thực chất dựa theo nguyên tắc phân chia ruộng đất cho quan lại và binh dân như thời Lê Sơ, chỉ điều chỉnh về đối tượng, khẩu phần và thời hạn. Mục tiêu của quân điền nhằm bảo vệ quyền sở hữu của Nhà nước thông qua ruộng đất công của làng xã, phân phối theo hướng ưu đãi cho quan lại và binh lính. Tuy có những cố gắng nhưng do sự thu hẹp của ruộng đất công làng xã nên việc thực hiện chế độ quân điền cũng bị hạn chế. Đây là đặc điểm chung của tình hình ruộng đất ở nhiều địa phương đầu thế kỉ XIX.

Địa bạ còn cho biết chất lượng ruộng và thời vụ cấy của các địa phương. Do điều kiện tự nhiên, địa lý và những yếu tố xã hội khác, đồng ruộng cũng có tỉ lệ ruộng tốt, xấu khác nhau. Ruộng đất được phân chia thành các loại khác nhau gọi là đẳng, hạng, ruộng nhất đẳng là loại tốt nhất, rồi tới nhị đẳng, tam đẳng. Chất lượng ruộng tư hay ruộng công ở tổng Cổ Dũng là tương đối xấu, loại ruộng tam đẳng có diện tích 3337.8.4.6.6 chiếm 82,4% diện tích ruộng, loại tốt nhất là loại ruộng nhất đẳng với 86.9.0.0 chiếm có 2,1%. Ruộng công loại tam đẳng là chủ yếu với 669.5.5.2 chiếm 93,3% diện tích ruộng, loại tốt nhất là loại ruộng nhất đẳng không có, loại ruộng nhị đẳng là 47.5.0.0 chiếm 6,7%. Điều đó chứng tỏ ruộng công không được quan tâm đúng mức, diện tích nhỏ, chất lượng thấp, chỉ còn lại các loại ruộng nhị đẳng, tam đẳng. Chất lượng ruộng đất này phản ánh đặc điểm chung của khu vực trung du miền núi, đất đai ít màu mỡ, đa số ruộng đều là ruộng vụ thu, tức là mỗi năm chỉ có một vụ.

Công điền là hình thức sở hữu của nhà nước đối với ruộng đất. Theo số liệu tại bảng 1 cho thấy, quy mô sở hữu của diện tích loại ruộng này là 717.0.5.2 so với quy mô của tổng diện tích các loại ruộng đất là 5263.3.14.1.6, diện tích ruộng công điền chiếm 13,6% tổng diện tích ruộng

đất. Sự phân bố công điền ở các xã không đều nhau. Xã Mai Khê có diện tích công điền cao nhất tổng với diện tích là 158.3.7.3 chiếm 64,4% tổng diện tích ruộng đất của xã, gấp gần 5 lần mức trung bình của cả tổng (13,6%); xã có diện tích công điền ít nhất là Bằng Lương 69.8.14.1 chiếm 6,6% tổng diện tích ruộng đất của xã. Các xã có tỷ lệ ruộng công điền thấp hơn trung bình của cả tổng là: Bằng Lương chiếm 6,6%, Tiên La chiếm 7,2%, Ngự Uyên chiếm 8,3%, Cổ Dũng chiếm 11,8%. Các xã có tỷ lệ ruộng công điền cao hơn trung bình của cả tổng là: Mai Xuyên chiếm 14,7%, Ninh Xuyên chiếm 16,2%, Khê Cầu chiếm 18,3%, Mai Khê chiếm 64,4%.

**Bảng 1. Thống kê công điền Cổ Dũng qua địa bạ Gia Long 4 (1805)**

Đơn vị tính: Mẫu.sào.thước.tấc.phân (m.s.th.t.p)

STT	Tên xã, thôn	Tổng diện tích ruộng đất (m.s.th.t.p)	Công điền (m.s.th.t.)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ Dũng	954.4.7.2	113.0.1.7	11,8
2	Khe Cầu	382.2.12.5	70.1.7.2	18,3
3	Tiên La	441.1.13.4.6	32.2.9.8	7,2
4	Bằng Lương	1038.3.9.8	69.8.14.1	6,6
5	Mai Xuyên	1053.9.12.6	155.9.7.9	14,7
6	Ninh Xuyên	271.0.8.0	44.2.5.5	16,2
7	Mai Khê	245.9.13.4	158.3.7.3	64,4
8	Ngự Uyên	876.0.12.2	73.1.11.7	8,3
	<b>Tổng</b>	<b>5263.3.14.1.6</b>	<b>717.0.5.2</b>	<b>13,6</b>

(Nguồn: Thống kê 08 bản địa bạ tổng Cổ Dũng lập năm 1805)

### 3.1.3. Tình hình sở hữu ruộng đất tư, công

Tư thổ là loại đất ở, vườn ao (thổ trạch viên trì). Theo thống kê ở tổng Cổ Dũng thì quy mô sở hữu của loại đất này là 423.0.13.6 so với quy mô của tổng diện tích các loại ruộng đất là 5263.3.14.1.6 thì diện tích tư thổ chiếm 8,03%. Sự phân bố tư thổ ở các xã cũng không đều, xã Mai Khê chiếm tỷ lệ cao nhất là 13,4% trong khi xã Mai Xuyên có tư thổ chiếm tỷ lệ rất nhỏ là 5,2%.

Diện tích công điền của tổng Cổ Dũng ít, 2 sào 6 tấc chiếm 0,04% diện tích ruộng đất của cả tổng. Trong đó, chỉ có xã Mai Xuyên, xã Ngự Uyên có diện tích ruộng công điền nhưng cũng rất ít chiếm khoảng 0,01% diện tích ruộng đất của cả xã. 6 xã Cổ Dũng, Khê Cầu, Tiên La, Bằng Lương, Ninh Xuyên, Mai Khê không có diện tích công điền.

### 3.1.4. Tình hình sở hữu ruộng tư

#### 3.1.4.1. Bình quân sở hữu của một chủ

Bình quân sở hữu ruộng đất tư của một chủ ở tổng Cổ Dũng được thể hiện ở bảng 2.

**Bảng 2. Bình quân sở hữu ruộng đất tư của một chủ ở tổng Cổ Dũng**

Đơn vị tính: Mẫu.sào.thước.tấc.phân (m.s.th.t.p)

STT	Tên xã, thôn	Ruộng tư ghi trong địa bạ	Diện tích có thể tính sở hữu	Số chủ	Bình quân 1 chủ
1	Cổ Dũng	783.2.14.5	783.2.14.5	54	14.5.0.8
2	Khe Cầu	236.6.1.0	236.6.1.0	43	5.5.0.3
3	Tiên La	369.3.8.8.6	369.3.8.8.6	46	8.0.4.4.3
4	Bằng Lương	908.3.5.3	908.3.5.3	74	12.2.11.2
5	Mai Xuyên	804.1.0.6	804.1.0.6	97	8.2.13.9
6	Ninh Xuyên	208.9.2.2	208.9.2.2	35	5.9.10.3
7	Mai Khê	53.3.11.0	53.3.11.0	40	1.3.5.1
8	Ngự Uyên	685.5.4.2	685.5.4.2	71	9.6.8.2
	<b>Tổng</b>	<b>4049.5.2.6.6</b>	<b>4049.5.2.6.6</b>	<b>460</b>	<b>8.8.0.4.9</b>

(Nguồn: Thống kê 08 bản địa bạ tổng Cổ Dũng lập năm 1805)

Số liệu tại bảng 2 cho thấy, trong tổng số 4049.5.2.6.6 diện tích ruộng tư ghi trong địa bạ của 08 xã ở tổng Cổ Dũng có 4049.5.2.6.6 chiếm 100% diện tích có thể tính sở hữu. Số ruộng có thể tính sở hữu được phân đều cho 460 chủ sở hữu. Bình quân sở hữu của một chủ ở tổng Cổ Dũng là

8.8.0.4.9, mức bình quân này cao hơn so với bình quân sở hữu 1 chủ của huyện Hữu Lũng, tỉnh Thái Nguyên (7.2.11.2), hay lớn hơn rất nhiều so với bình quân sở hữu 1 chủ của huyện Tư Nông (thuộc phủ Phú Bình), tỉnh Thái Nguyên lập cùng thời điểm (4.8.12.5.6.7) [5, tr. 43], và Châu Ôn, tỉnh Lạng Sơn (0.8.5.4) [14, tr. 41]. Tuy nhiên, sự phân bố ruộng tư của các chủ sở hữu trong xã không đều nhau. Xã Mạ Khê có 40 chủ hộ sở hữu diện tích là 53.3.11.0 và trung bình một chủ sở hữu 1.3.5.1, đây là xã có mức bình quân 1 chủ thấp nhất trong tổng Cổ Dũng. Xã Cổ Dũng có mức bình quân 1 chủ cao nhất trong tổng Cổ Dũng, với 54 chủ sở hữu diện tích là 783.2.14.5 và trung bình 1 chủ sở hữu 14.5.0.8.

### 3.1.4.2. Quy mô sở hữu ruộng tư theo chủ và theo giới tính

Tư liệu địa bạ cho thấy quy mô tư hữu của tổng Cổ Dũng là tương đối lớn và không đều. Lớp sở hữu từ 0 đến 5 mẫu chiếm số lượng lớn (158 chủ) chiếm 34,4%, nắm trong tay diện tích sở hữu tương ứng là 450.6.1.5 chiếm 10%. Đây có thể coi là những người nông dân tự canh của tổng.

Phần lớn số chủ sở hữu ruộng đất của tổng Cổ Dũng nằm trong lớp sở hữu từ 5 đến 40 mẫu với 301 chủ, chiếm 65,1% và diện tích sở hữu là 3593.9.1.6 chiếm 88,77%. Lớp sở hữu lớn nhất của tổng là 40 – 60 mẫu có 1 chủ sở hữu 50.0.0.0 chiếm 1,23% tổng số diện tích sở hữu. Có thể nói, đây là tầng lớp địa chủ của tổng.

Như vậy, kết quả phân tích số liệu địa bạ về quy mô sở hữu ruộng đất cho thấy quy mô sở hữu ruộng đất ở tổng Cổ Dũng không đều nhau, phần lớp tập trung trong lớp sở hữu 5 – 40 mẫu. Nếu so sánh với huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn: “Số chủ sở hữu ruộng đất của huyện nằm trong lớp sở hữu từ 3 đến 40 mẫu 180 chủ chiếm 57,6 % và nắm trong tay diện tích sở hữu là 1706.7.9.7 chiếm 75,3%” [15, tr. 38], thì tình trạng tập trung ruộng đất lớn trong tay giai cấp địa chủ ở tổng Cổ Dũng đầu thế kỉ XIX khá phổ biến. Bên cạnh đó, số người nắm trong tay nhiều ruộng đất là những người có chức quyền trong làng xã. Điều này khẳng định ruộng đất tổng Cổ Dũng, huyện Yên Dũng đầu thế kỉ XIX đang dần tập trung trong tay giai cấp thống trị.

**Bảng 3.** Giới tính trong sở hữu tư nhân ở tổng Cổ Dũng

Quy mô sở hữu	Nam		Nữ		Tỷ số nữ trong từng lớp sở hữu (%)
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	
<1 mẫu	21	5,4	8	11,1	38,1
1-3 mẫu	48	12,4	14	19,4	29,2
3-5 mẫu	49	12,6	18	25,0	36,7
5-10 mẫu	145	37,4	16	22,2	11,0
10-20 mẫu	112	28,9	10	13,9	8,9
20-40 mẫu	13	3,4	5	6,9	38,5
40-60 mẫu	0	0,0	1	1,4	100,0
<b>Tổng</b>	<b>388</b>	<b>100,0</b>	<b>72</b>	<b>100,0</b>	<b>18,6</b>

(Nguồn: Thống kê 08 bản địa bạ tổng Cổ Dũng lập năm 1805)

Qua bảng 3 cho thấy, trong sở hữu ruộng đất ở tổng Cổ Dũng đầu thế kỉ XIX, nữ giới đứng tên ruộng đất khá phổ biến. Trong đó, quy mô sở hữu của nữ giới tập trung lớn nhất trong khoảng từ 1 mẫu đến 10 mẫu. Điểm đặc biệt ở tổng Cổ Dũng, quy mô sở hữu ruộng đất lớn nhất từ 40 mẫu đến 60 mẫu lại thuộc sở hữu của nữ giới.

Ở tổng Cổ Dũng, phụ nữ đứng tên sở hữu ruộng đất là một hiện tượng khá độc đáo. Không chỉ ở tổng Cổ Dũng, một số địa phương khác cũng có hiện tượng phụ nữ đứng tên sở hữu ruộng đất. Ở tỉnh Bình Định, “trong 24 địa bạ nghiên cứu thì tỷ lệ chủ sở hữu chiếm 37,73% tổng số chủ và sở hữu 32,99% tổng diện tích ruộng đất tư. Sự phân bố này lớn hơn hẳn so với các vùng khác trong cả nước” [16, tr. 55]. Tổng Cổ Dũng, trong tổng số 460 chủ sở hữu của 08 xã thì có đến 72 chủ sở hữu là nữ chiếm 15,7% tổng số chủ tư hữu, số chủ nữ này sở hữu diện tích ruộng đất 641.0.0.8 chiếm 15,8% diện tích ruộng tư của cả tổng. Tỷ lệ số chủ sở hữu nữ của tổng Cổ Dũng so với nam là tương đối lớn so với các huyện khác cùng thời điểm như Châu Ôn – Lạng Sơn “323 chủ sở hữu thì có 5 chủ là nữ chiếm 1,55%”, huyện Thất Khê – Lạng Sơn “không có sở hữu nữ

mà 100% diện tích thuộc về nam giới” [14, tr. 32]. Trong đó, xã có nhiều chủ nữ nhất là xã Bằng Lương với 18 chủ chiếm 24,3% với diện tích sở hữu là 203.5.7.0 chiếm 31,8% đây là tỉ lệ cao nhất của tổng. Đó là nét nổi bật của tổng Cổ Dũng.

Về quy mô sở hữu, số chủ sở hữu của nữ tuy ít hơn nam giới, nhưng quy mô sở hữu của chủ nữ tập trung ở lớp sở hữu lớn. Theo thống kê 08 đơn vị địa bạ, lớp sở hữu có số chủ nhiều nhất đối với nam là 5- 20 mẫu, chiếm 66,3%. Số chủ nữ từ 1 đến 20 mẫu là 58 chủ, chiếm 80,5%. Đặc biệt, số người sở hữu ruộng đất từ 20 mẫu đến 60 mẫu là nữ giới cao hơn hẳn nam giới: Số chủ nam giới là 13 chủ chiếm 3,4%; trong khi đó nữ giới với 6 chủ chiếm 7,3%. Tuy vậy, bình quân sở hữu một chủ nữ là 8.9.0.4, cao hơn bình quân sở hữu của 1 chủ nam 8.7.12.7; có lớp sở hữu nữ từ 40 mẫu đến 60 mẫu: Người có ruộng nhiều nhất tổng là nữ: 50.0.0.0 là Nguyễn Thị Vụ ở xã Mai Xuyên. Đáng chú ý, trong 08 xã có địa bạ, mặc dù quy mô sở hữu của chủ nữ ở một số xã là tương đối lớn và không có một chủ sở hữu nữ nào nằm trong đội ngũ chức sắc của làng, xã. Điều này khẳng định mặc dù người phụ nữ ở tổng Cổ Dũng có địa vị về kinh tế, nhưng vẫn còn ảnh hưởng đậm nét của tư tưởng Nho giáo nên không có địa vị chính trị như nam giới.

### 3.1.4.3. Quy mô sở hữu của các chủ phụ canh

Bảng 4 là số liệu thống kê về ruộng tư của chủ phụ canh ở tổng Cổ Dũng. Số liệu tại bảng 4 cho thấy, tổng Cổ Dũng có người phụ canh. Người phụ canh là những người từ nơi khác đến bản xã và có diện tích sở hữu, hay là người từ bản xã này nhưng có diện tích canh tác của bản xã lân cận. Hiện tượng phụ canh ở tổng Cổ Dũng khá phổ biến, cụ thể tổng có 171 chủ phụ canh chiếm 37,1% số chủ, sở hữu diện tích 953.7.5.5 chiếm 23,5% diện tích ruộng tư của tổng. Số phụ canh này được tập trung ở các xã: Ninh Xuyên, Khê Cầu, Cổ Dũng, Mai Xuyên, Tiên La. Xã có số phụ canh nhiều nhất là xã Ninh Xuyên với 30 chủ chiếm tỷ lệ 81,7%, xã Mai Khê không có chủ phụ canh.

**Bảng 4. Thống kê ruộng tư của chủ phụ canh ở tổng Cổ Dũng**

*Đơn vị tính: Mẫu.sào.thước.tấc.phân (m.s.th.t.p)*

STT	Tên xã, thôn	Số chủ	Tỷ lệ (%)	Diện tích sở hữu xã (m.s.th.t.p)	Diện tích sở hữu của các chủ phụ canh (m.s.th.t)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ Dũng	42/54	77,7	783.2.14.5	354.8.8.3	45,2
2	Khe Cầu	33/43	76,7	236.6.1.0	141.9.0.0	59,7
3	Tiên La	20/46	43,4	369.3.8.8.6	97.7.0.0	26,2
4	Bằng Lương	3/74	4,0	908.3.5.3	10.9.14.7	1,1
5	Mai Xuyên	42/97	43,2	804.1.0.6	344.3.12.5	42,7
6	Ninh Xuyên	30/35	85,7	208.9.2.2	170.4.10.2	81,7
7	Mai Khê	0/40	0	53.3.11.0	0	0
8	Ngư Uyên	1/71	1,4	685.5.4.2	3.9.0.0	0,4
<b>Tổng</b>		<b>171/460</b>	<b>37,1</b>	<b>4049.5.2.6.6</b>	<b>953.7.5.5</b>	<b>23,5</b>

*(Nguồn: Thống kê 08 bản địa bạ tổng Cổ Dũng lập năm 1805)*

Diện tích bình quân của 1 chủ phụ canh là 5.0.8.0, nhỏ hơn mức bình quân một chủ cả huyện 8.8.0.4.9. Sự xuất hiện của các chủ phụ canh phản ánh sự biến động của tình hình chính trị, xã hội của tổng Cổ Dũng đầu thế kỉ XIX. Điều đó chứng tỏ làng xã tuy có mặt cục bộ, địa phương nhưng không đóng kín, một bộ phận ruộng đất trong địa phận của làng xã này lại do người của làng xã khác nắm quyền sở hữu và canh tác. Người dân phụ canh có thể có ruộng đất đồng thời tại hai hay nhiều làng khác nhau. Mặt khác, người phụ canh cũng có thể là người từ làng khác phiêu bạt đến sống ngụ cư cùng với các thành viên của làng xã mới. Đây là “một hiện tượng xã hội” trong nửa đầu thế kỷ XIX, họ có thể là cư dân miền xuôi lên sinh sống ở trung du miền núi. Một trong những nguyên nhân của hiện tượng này là do sự quản lý lỏng lẻo của chính quyền phong kiến, cho nên “người ta có thể mua bán ruộng đất không chỉ ở trong thôn, xã của mình mà còn ở những vùng xa hơn, thậm chí ở huyện khác, tỉnh khác” [16, tr. 56]. Do vị trí địa lý giáp giới giữa đồng bằng và miền núi, với 37,1% dân phụ canh chứng tỏ thời kỳ này tổng Cổ Dũng đã có những cư dân miền xuôi lên sinh sống. Đây là cơ sở cho quá trình giao lưu văn hoá trong tổng, trong huyện.

### 3.1.5. Tình hình sở hữu ruộng tư của các nhóm họ

Theo địa bạ của 08 xã thôn ở tổng Cổ Dũng đầu thế kỉ XIX, có 24 nhóm họ khác nhau trong tổng số 460 chủ sở hữu ruộng đất và trung bình mỗi nhóm họ có hơn 19 chủ sở hữu. Tuy nhiên, sự phân bố số chủ sở hữu giữa các nhóm họ không đều nhau, có nhóm họ chỉ có duy nhất 1 chủ sở hữu (Mai, Thân, Đặng, Phòng, Cái), có những nhóm họ có chủ sở hữu rất đông (Nguyễn, Lê, Trần, Phạm).

Về quy mô sở hữu của các nhóm họ, họ Nguyễn có số chủ sở hữu nhiều nhất  $164/460 = 35,7\%$ , tiếp theo là nhóm họ Lê  $48/460 = 10,4\%$ , thứ ba là nhóm họ Trần với số chủ  $46/460 = 10,0\%$ , thứ tư là nhóm họ Phạm  $35/460 = 7,6\%$ . Bốn nhóm họ này không chỉ có chủ sở hữu lớn nhất tổng mà còn sở hữu nhiều ruộng đất trong huyện ( $2725.1.0.2.6/4049.5.2.6.6 = 67,4\%$ ). Nhóm họ chỉ có 1 chủ sở hữu là nhóm họ Mai, Thân, Đặng, Phòng, Cái. Các nhóm họ này sở hữu rất ít ruộng đất trong huyện như nhóm họ Thân là 0,2%, nhóm họ Mai là 0,3% và nhóm họ Cái là 0,4%.

Về bình quân sở hữu, quy mô của các nhóm họ tổng Cổ Dũng không chỉ phân bố không đều về số chủ, mà còn phân bố không đều về diện tích sở hữu. Nhóm họ chỉ có 1 chủ nhưng sở hữu nhiều ruộng đất: Trong đó cao nhất nhóm họ Phòng sở hữu đến 28.6.8.0, số lượng ruộng đất này gấp đến gần 3,5 diện tích bình quân 1 chủ của cả tổng, nhóm họ Cái sở hữu 15.4.0.0. Trong khi đó nhóm họ Triệu có 11 chủ nhưng chỉ sở hữu 9.5.6.0, bình quân sở hữu một chủ là 0.8.10.1 thấp nhất của cả tổng, tiếp đến là họ Cao với 10 chủ, sở hữu 13.4.6.0, bình quân sở hữu một chủ là 1.3.6.6. Cả hai nhóm họ này bình quân sở hữu ruộng đất một chủ thấp hơn nhiều so với mức bình quân sở hữu của cả tổng. Sự phân bố không đều về số chủ và diện tích ruộng đất phản ánh tính chất biến động trong xã hội tổng Cổ Dũng nửa đầu thế kỉ XIX.

### 3.1.6. Tình hình sở hữu ruộng đất của các chức sắc

Vào đầu thế kỉ XIX, những người có chức quyền trong các làng xã, được gọi là các chức sắc. Chức sắc bao gồm hai loại là chức dịch và sắc mục: Chức dịch là một bộ phận chức sắc quản lý làng, xã nằm trong hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước, được Nhà nước công nhận chính thức như lý trưởng, xã trưởng, tả bạ, tri thu... Còn sắc mục là những người được làng cử ra đại diện cho cộng đồng, tiêu biểu cho bộ máy tự quản của làng, xã như: hương mục, trùm, hương lão, dịch mục. Số chức dịch có nhiều loại, ở mỗi thời kỳ đều có những cách gọi khác nhau: Thời Lê trở về sau có xã trưởng, xã chính, xã sử, xã tư; cuối Lê đầu Nguyễn có xã trưởng, thôn trưởng; thời Minh Mệnh có lý trưởng, phó lý, hương dịch, kỳ dịch, thường gọi chung là các quan viên. Sở hữu ruộng đất của các chức sắc tổng Cổ Dũng được thống kê theo bảng 5 và 6.

**Bảng 5. Sự phân bố ruộng tư của chức sắc ở tổng Cổ Dũng**

Đơn vị tính: Mẫu.sào.thước.tấc.phân (m.s.th.t.p)

STT	Chức vị	Số người có ruộng/tổng số	Tỷ lệ (%)	Diện tích sở hữu	Bình quân sở hữu
1	Sắc mục	6/11	54,5%	41.3.14.9	6.8.14.9
2	Xã trưởng	7/8	87,5%	66.0.3.1	9.4.4.7
3	Khán thủ	3/6	50%	22.9.12.0	7.6.9.0
4	Thôn trưởng	9/10	90%	111.4.4.3.4	12.3.12.1
	<b>Tổng</b>	<b>25/35</b>	<b>71,4%</b>	<b>241.8.4.3.4</b>	<b>9.6.10.9</b>

(Nguồn: Thống kê 08 bản địa bạ tổng Cổ Dũng lập năm 1805)

**Bảng 6. Tình hình sở hữu ruộng tư của chức sắc ở tổng Cổ Dũng**

Đơn vị tính: Mẫu.sào.thước.tấc (m.s.th.t)

Chức vị	Không có ruộng	<1 mẫu	1 - 3 mẫu	3 - 5 mẫu	5-10 mẫu	10-20 mẫu	20-40 mẫu
Sắc mục (11)	5			2	3	1	
Xã trưởng (8)	1		0	1	3	3	
Khán thủ (6)	3		1			2	
Thôn trưởng (10)	1		4		1	2	2
35 = 100%	10 = 28,5%		5 = 14,3%	3 = 8,6%	7 = 20%	8 = 22,9%	2 = 5,7%

(Nguồn: Thống kê 08 bản địa bạ tổng Cổ Dũng lập năm 1805)

Số lượng chức sắc của tổng Cổ Dũng là 35 người, trong đó có 11 sắc mục, 8 xã trưởng, 6 khán thủ và 10 thôn trưởng. Số chức sắc này chiếm 7,6% số chủ sở hữu ruộng đất. Hầu hết ở các xã đều có các chức sắc như: sắc mục, xã trưởng, thôn trưởng và có địa vị quan trọng trong các làng xã.

Trong tổng số 35 chức sắc của tổng Cổ Dũng thì 25 chức sắc có ruộng đất. Số chức sắc này chiếm 5,4% số chủ nhưng lại sở hữu diện tích ruộng tư là 241.843.4 chiếm 10% diện tích ruộng tư của tổng. Về quy mô sở hữu, đa số chức sắc của tổng Cổ Dũng nằm trong lớp sở hữu 3 - 20 mẫu (54,5% sắc mục, 87,5% xã trưởng, 66,7% khán thủ, 50% thôn trưởng). Trong đó, có 7 người sở hữu từ 5 đến 10 mẫu chiếm 20% và 08 người sở hữu từ 10 đến 20 mẫu chiếm 22,9%, số chức sắc sở hữu diện tích ruộng tư cao nhất từ 20 đến 40 mẫu là 2 người chiếm 5,7%.

Tuy nhiên, không phải bất kì chức dịch nào có vai vế trong bộ máy chính quyền và có vai vế trong làng đều có ruộng đất tư hữu. Trong 35 chức sắc của tổng Cổ Dũng thì có 10 người không có ruộng tư chiếm 28,6% số chức dịch, trong đó có 5 sắc mục, 1 xã trưởng, 3 khán thủ và 1 thôn trưởng. Nếu so sánh với các địa phương khác cùng thời điểm, tỷ lệ chức sắc không có ruộng đất ở Phú Lương là 10,29%, Quảng Hòa là 2,89% có thể thấy tỷ lệ số chức sắc không có ruộng đất ở tổng Cổ Dũng khá cao.

Bình quân sở hữu của các chức sắc là 9.6.10.9 (không tính những người không có ruộng) cao hơn bình quân sở hữu của toàn huyện 8.8.0.4.9. Bên cạnh sở hữu lớn ruộng đất, chức sắc của tổng Cổ Dũng cũng nằm trong thành phần những người sở hữu ruộng đất nhiều nhất xã. Bên cạnh đó, không thể phủ nhận một thực tế các chức sắc đã lợi dụng chức quyền để “biến công vi tư”, tập trung trong tay phần lớn ruộng đất của xã. “Những địa chủ lớn vẫn thường chi phối mọi việc trong làng xã đâu có khi chẳng giữ một chức trách gì cụ thể trong bộ máy chính quyền và ngược lại, điều dễ thấy là hề có chức tước, có chút quyền hành thì cũng có điều kiện để làm giàu để mở rộng thêm đám ruộng thửa vườn của mình” [17, tr. 59].

### 3.2. Một số nhận xét

Qua việc nghiên cứu tình hình ruộng đất tổng Cổ Dũng nửa đầu thế kỉ XIX, có thể rút ra một số nhận xét sau:

*Thứ nhất*, tổng Cổ Dũng có hoạt động kinh tế nông nghiệp là chủ yếu. Những diễn biến chính về ruộng đất tổng Cổ Dũng đã phản ánh xu thế chung của tình hình ruộng đất cả nước dưới triều Nguyễn. Qua địa bạ Gia Long 4 (1805), ruộng đất ở tổng Cổ Dũng chủ yếu là tư điền chiếm 76,93% tổng diện tích ruộng đất, công thổ rất ít, chỉ chiếm 13,62% tổng diện tích ruộng đất.

Hiện tượng phát triển mạnh mẽ sở hữu tư không chỉ diễn ra ở tổng Cổ Dũng, mà là hiện tượng phổ biến trong cả nước. Theo nghiên cứu của các tác giả Phan Huy Lê, Vũ Minh Giang, Vũ Văn Quân, Phan Phương Thảo trong sách “Địa bạ Hà Đông” thì ruộng tư của Hà Đông cùng thời điểm chiếm 82,90% [18, tr. 24].

*Thứ hai*, nữ giới đứng tên ruộng đất khá phổ biến dù là ở quy mô sở hữu ruộng đất lớn hay nhỏ. Tổng số ruộng đất nữ giới sở hữu đến 15,7% ruộng đất tư của cả tổng. Điểm đặc biệt ở tổng Cổ Dũng là quy mô sở hữu ruộng đất lớn nhất từ 40 mẫu đến 60 mẫu lại thuộc sở hữu của nữ giới.

*Thứ ba*, sở hữu ruộng đất của các dòng họ ở tổng Cổ Dũng không đồng đều giữa các dòng họ, chủ yếu tập trung ở họ Nguyễn, Lê, Trần, Phạm. Như vậy, cũng như các huyện miền núi khác, các nhóm họ lớn trong làng, xã chiếm một vị trí rất quan trọng.

*Thứ tư*, phần lớn các chức sắc trong tổng đều có sở hữu ruộng đất lớn.

### 4. Kết luận

Qua nghiên cứu 08 đơn vị địa bạ tổng Cổ Dũng đầu thế kỷ XIX có thể thấy, loại hình ruộng đất đa dạng có cả tư điền, công điền, thân từ, phạt từ (điền, thổ), công thổ, thổ trách viên trì, trong đó tư điền chiếm đa số 76,93%. Ruộng đất tư của tổng Cổ Dũng nửa đầu thế kỷ XIX có xu hướng phát triển mạnh. Về cách thức sở hữu, ruộng đất do Nhà nước trực tiếp hay gián tiếp quản lý đều được phân giao cho xã dân cấy cấy và nộp thuế theo quy định. Quy mô sở hữu ruộng đất nhỏ lẻ và chưa có sự tập trung cao để có thể tạo ra sự chuyển đổi mạnh mẽ trong nông nghiệp. Gần hai thế kỷ đã đi qua, tình hình ruộng đất ở các khu vực thuộc tỉnh Bắc Giang đã có nhiều thay đổi lớn



như: Quyền sở hữu ruộng đất thuộc về Nhà nước và nhân dân là chủ thể sử dụng ruộng đất; cách thức quản lý đất đai được quy định rõ ràng, chặt chẽ trên các văn bản pháp lý; ruộng đất được tập trung với quy mô lớn theo các chính sách hoạch định sử dụng đất đai phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy có nhiều khác biệt, song việc nghiên cứu tình hình ruộng đất qua địa bạ ở tổng Cổ Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang vẫn có ý nghĩa cung cấp luận chứng cho việc giải quyết các vấn đề trong hiện tại và cả tương lai.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] C. H. Nguyen, *The historical origin of ethnic groups in the northern border region of Vietnam*. National Culture Publishing House, Hanoi, 2000.
- [2] P. T. Phan, "Kien My Village (Binh Dinh) in the first half of the 19th century through studying cadastral registers," *Economic Research Journal*, vol. 337, pp. 63-74, June 2006.
- [3] T. V. Tran, "Military policy in 1839 in Binh Dinh through geographical records," *Historical Research Journal*, no. 3, pp. 68-71, 2006.
- [4] H. T. Bui, N. H. Vo, and T. A. Le, "Agricultural economics in Ha Chau district, Ha Tien province in the first half of the 19th century through studying cadastral registers of Nguyen dynasty (1836)," *TNU Journal of Sciences and Technology*, vol. 205, no. 12, pp. 25-32, 2019.
- [5] T. T. H. Le, "Phu Binh district, Thai Nguyen province through studying cadastral registers in the first half of the 19th century," Master thesis, Thai Nguyen University of Education, 2008.
- [6] H. Q. Truong, *Vietnam's field-land system*, vol. 1, Social Science Publishing House, Hanoi, 1982.
- [7] T. S. Nguyen, "Situation field-land in Lam Thao districts, Phu Tho province through studying cadastral registers of Gia Long 4 (1805)," *Education and Society Journal*, no. 2, pp. 48-53, 2021.
- [8] T. U. Dam, "Situation field-land in Chiem Hoa districts - Tuyen Quang province through studying cadastral registers of Gia Long 4 (1805)," *Historical Research Journal*, no. 401, pp. 30-39, 2009.
- [9] T. U. Dam, "Ownership situation field-land in Quang Hoa - Cao Bang through studying cadastral registers of Gia Long 4 (1805)," *Historical Research Journal*, no. 6, pp. 55-60, 2001.
- [10] T. U. Dam and X. T. Hoang, "Situation field-land in Dai Tu district, Thai Nguyen province through studying cadastral registers of Gia Long 4 (1805)," *Historical Research Journal*, no. 436, pp. 27-36, 2012.
- [11] H. T. Bui, "Ownership situation public field-land in Ha Chau district, Ha Tien province through studying cadastral registers of Minh Mang dynasty 17 (1836)," *TNU Journal of Sciences and Technology*, vol. 175, no. 15, pp. 3-8, 2017.
- [12] H. T. Bui and N. H. Vo, "Owning public land-field in Phong Phu district, An Giang province in the first half of the 19th century," *TNU Journal of Sciences and Technology*, vol. 196, no. 3, pp. 71-78, 2019.
- [13] D. T. Ngo, V. N. Nguyen, and V. C. Phan, *Dong Khanh dia du chi*. World Publishing House, 2003.
- [14] T. N. Bui, "Ownership field-land and agricultural economy Chau On (Lang Son) in the first half of the 19th century," Master thesis, Thai Nguyen University of Education, 2015.
- [15] V. H. Nguyen, "Economy of Huu Lung districts, Lang Son province in the 19th century," Master thesis, Thai Nguyen University of Education, 2018.
- [16] P. T. Phan, "Military policy in 1839 in Binh Dinh through studying cadastral registers," Doctoral thesis, University of Social Sciences and Humanities, Hanoi, 2003.
- [17] H. P. Vu, *Learn about Vietnam's field-land system in the first half of the 19th century*. Social Science Publishing House, Hanoi, 1979.
- [18] H. L. Phan, M. G. Vu, V. Q. Vu, and P. T. Phan, *Dia ba Ha Dong*. Social Science Publishing House, Hanoi, 1995.